

Bản án số: 743/2017/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 9 năm 2017

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Kim Hồng.

2/ Ông Nguyễn Như Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017, và Quyết định hoãn phiên tòa số /2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L

Địa chỉ: Đường T, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hà Tuấn A

Địa chỉ: Đường số 1, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2007 (giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số I do Ủy ban Nhân dân phường xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08 tháng 6 năm 2007.

Trong quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Hà Tuấn A ngoại tình và hiện đang chung sống với người phụ nữ khác, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ mặc dù cả hai nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà L yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Hà Tuấn A.

Về con chung: Có 02 con chung tên là: Hà Nguyễn Anh Linh (nữ) sinh ngày 07/6/2008 và Hà Nguyễn Cao Tiến (nam) sinh ngày 31/10/2014, sau khi ly hôn bà L đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Khai không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn, ông Hà Tuấn A trình bày: Qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2007, (giấy chứng nhận kết hôn số" 59, quyển số I do uỷ ban Nhân dân phường xã Tập Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/6/2007 Trong quá trình chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên không trầm trọng, ông thừa nhận có việc ngoại tình nhưng đã chấm dứt, nay với yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị Kim L ông không đồng ý, yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ. Về con chung: Có 02 con chung tên là: Hà Nguyễn Anh Linh (nữ) sinh ngày 07/6/2008 và Hà Nguyễn Cao Tiến (nam) sinh ngày 31/10/2014. Về nợ chung và tài sản chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: về thẩm quyền thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Hà Tuấn A đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] 1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[3] Bà Nguyễn Thị Kim L, khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Hà Tuấn A, địa chỉ: Đường số 1, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Bị đơn ông Hà Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì ông Hà Tuấn A đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai của bà L, và các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[5] 2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu thì bà Nguyễn Thị Kim L và ông Hà Tuấn A cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và ký kết hôn vào năm 2007. Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số I do Ủy ban Nhân dân phường xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08 tháng 6 năm 2007.

[7] Theo lời trình bày của nguyên đơn: Vợ chồng sống chung sống hạnh phúc đến khi có con thứ hai, sau đó mâu thuẫn bắt đầu diễn ra, nguyên nhân do ông Hà Tuấn A ngoại tình, không chăm lo cho vợ con và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà Kiều yêu cầu được ly hôn với ông Hà Tuấn A.

[8] Tại các tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông Hà Tuấn A trình bày: Ông không đồng ý ly hôn.

[9] Tại Văn bản trả lời xác minh của Công an phường Tân Phú Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung ông Hà Tuấn A, sinh năm 1982 hiện đang cư ngụ tại địa chỉ 44 Đường số 1, khu phố 2, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[10] Tại văn bản trả lời kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ phường TânPhú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung ông Hà Tuấn A, sinh năm 1982 hiện không còn cư ngụ tại địa phương.

[11] Tại bản tự khai trẻ Hà Nguyễn Anh L có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ sau khi ly hôn.

[12] Do quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Tuấn Anh khó có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho ly hôn là cần thiết. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L là có cơ sở.

[13] Về con chung: Có 02 con chung tên là: Hà Nguyễn Anh L (nữ) sinh ngày 07/6/2008 và Hà Nguyễn Cao T (nam) sinh ngày 31/10/2014. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L được trực tiếp nuôi hai con chung là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. nên việc giao cho bà L là người nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp, ổn định tâm lý cho trẻ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông Tuấn Anh cấp dưỡng nuôi hai con.

[14] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[15] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày không có.

[16] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0024041 ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Hà Tuấn A. Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số I do Ủy ban Nhân dân

phường xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08 tháng 6 năm 2007 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung: Giao 02 con chung họ tên là Hà Nguyễn Anh L (nữ) sinh ngày 07/6/2008 và Hà Nguyễn Cao T (nam) sinh ngày 31/10/2014 cho bà Nguyễn Thị Kim L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Thị Kim L về việc không yêu cầu ông Hà Tuấn A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, ông Hà Tuấn A được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0024041 ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7
- Ủy ban Nhân dân phường xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Viết Bình